

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU

## Giáo viên Anh

(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

Số 3

### Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 9.7		Anh - 9.7	Anh - 9.6		
SHL - 9.7		Anh - 9.6	Anh - 9.7		
GDDP			GDDP		
GDDP - 7.3			GDDP - 7.13		NGLL - 9.7

### Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	Anh - 7.13	Anh - 7.13			
	Anh - 7.13		Anh B2 - 9.6		
	Anh - 7.14	Anh - 7.15	Anh B2 - 9.6		
	Anh B2 - 9.7	Anh - 7.14	Anh - 7.15		
	Anh B2 - 9.7	Anh - 7.14	Anh - 7.15		

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU

## Giáo viên Hân

(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

Số 3

### Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
GĐDP		AnhTC - 8TC1	GĐDP		
GĐDP - 7.8		AnhTC - 8TC1	GĐDP - 7.12		
Anh - 9.5		AnhTC - 8TC1	TNHN - 8TC1		
		Anh - 9.5			

### Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
Anh - 8.9	Anh - 8TC1	Anh - 8.8			
Anh - 8.8	Anh - 8TC1	Anh - 8.8	Anh B2 - 9.5		
	Anh - 8.9		Anh B2 - 9.5		
SHL - 8TC1			Anh - 8TC1		
ChCờ - 8TC1			Anh - 8.9		

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU

## Giáo viên Hoa

(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

Số 3

### Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	AnhTC - 7TC1	Anh - 9.3	GDDP		
	AnhTC - 7TC1	Anh - 9.4	GDDP - 7TC1		
GDDP	AnhTC - 7TC1		GDDP		
GDDP - 7.9	Anh - 9.4		GDDP - 7.1		
Anh - 9.3					

### Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	Anh - 7TC1	Anh - 7.12	Anh - 7.12		
		Anh - 7TC1	Anh B2 - 9.4		
TNHN - 7TC1	Anh - 7.12	Anh - 7TC1	Anh B2 - 9.4		
SHL - 7TC1		Anh B2 - 9.3			
ChCờ - 7TC1		Anh B2 - 9.3			

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

**THỜI KHOÁ BIỂU**  
**Giáo viên Hòa**  
(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

**Số 3**

**Buổi sáng**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		Anh - 9.1			
		Anh - 9.2			
			Anh - 9.1		
			Anh - 9.2		

**Buổi chiều**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
Anh - 8.2	Anh - 8.4	Anh - 8.4			
Anh - 8.3	Anh - 8.3	Anh B2 - 9.2			
Anh - 8.1	Anh - 8.2	Anh B2 - 9.2	Anh - 8.4		
	Anh - 8.2	Anh B2 - 9.1	Anh - 8.3		
	Anh - 8.1	Anh B2 - 9.1	Anh - 8.1		

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU

## Giáo viên M.Huy

(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

Số 3

### Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 6TC2	Anh - 6.1	Anh - 6.13			
SHL - 6TC2	Anh - 6.13	Anh - 6.13			
TNHN - 6TC2	Anh - 6TC2	Anh - 6TC2			
Anh - 6.12	Anh - 6.12	Anh - 6.1			
Anh - 6TC2	Anh - 6.12	Anh - 6.1			

### Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
			AnhTC - 6TC2		
			AnhTC - 6TC2		
		Anh - 7.10	AnhTC - 6TC2		
		Anh - 7.10	Anh - 7.10		

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU

## Giáo viên Lộc

(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

Số 3

### Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		Anh - 9.11	Anh - 6TC3		
		Anh - 6TC3	Anh - 9.11		
Anh - 9.10		Anh - 9.10			
Anh - 6TC3					

### Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	Anh - 8.7	Anh - 8.11	Anh - 8.7		
Anh - 8.6	Anh - 8.5	Anh - 8.5	Anh - 8.7		
Anh - 8.11	Anh - 8.11	Anh - 8.5			
	Anh B2 - 9.10	Anh - 8.6	Anh B2 - 9.11		
	Anh B2 - 9.10	Anh - 8.6	Anh B2 - 9.11		

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU

## Giáo viên B.Nga

(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

Số 3

### Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 9TC1	Anh - 6.9	Anh - 6.10	Anh - 6.2		
SHL - 9TC1	Anh - 6.2	Anh - 9TC1	Anh - 6.9		
Anh - 9TC1	Anh - 6.2	Anh - 6.9			
Anh - 6.11	Anh - 6.10		GDDP - 6.9		
Anh - 6.11	Anh - 6.10	Anh - 6.11	NGLL - 9TC1		

### Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		AnhTC - 9TC1			
		AnhTC - 9TC1			
Anh B2 - 9TC1		AnhTC - 9TC1			
Anh B2 - 9TC1					

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

**THỜI KHOÁ BIỂU**  
**Giáo viên Phụng**  
(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

**Số 3**

**Buổi sáng**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		AnhTC - 8TC2	Anh - 9.12		
		AnhTC - 8TC2	Anh - 9.13		
		AnhTC - 8TC2			
	Anh - 9.12	TNHN - 8TC2			
	Anh - 9.13				

**Buổi chiều**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
Anh - 8.10		Anh - 8TC2	Anh - 8.10		
Anh B2 - 9.13		GDĐP	Anh B2 - 9.12		
Anh B2 - 9.13	Anh - 8.10	GDĐP - 6.11	Anh B2 - 9.12		
SHL - 8TC2	GDĐP	GDĐP	Anh - 8TC2		
ChCờ - 8TC2	GDĐP - 6.10	GDĐP - 6.12	Anh - 8TC2		

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU

## Giáo viên Thu

(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

Số 3

### Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	Anh - 6.5	Anh - 6.5			
	Anh - 6.5				
	Anh - 9.14	Anh - 9TC2			
		Anh - 9.14			
	Anh - 9TC2				

### Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
Anh - 7.9		Anh - 7.8	Anh - 7.7		
Anh - 7.6	Anh - 7.6	AnhTC - 9TC2		Anh B2 - 9.14	
	Anh - 7.9	AnhTC - 9TC2	Anh - 7.8	Anh B2 - 9.14	
	Anh - 7.7	AnhTC - 9TC2	Anh - 7.8	Anh B2 - 9TC2	
	Anh - 7.7	Anh - 7.6	Anh - 7.9	Anh B2 - 9TC2	

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU

## Giáo viên Thứ

(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

Số 3

### Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	AnhTC - 7TC2	Anh - 6.6	Anh - 6.6		
	AnhTC - 7TC2	Anh - 6.6	Anh - 6.3		
	AnhTC - 7TC2	Anh - 6.7	Anh - 6.8		
Anh - 6.3	Anh - 6.8	Anh - 6.3			
Anh - 6.7	Anh - 6.8		Anh - 6.7		

### Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		Anh - 7TC2			
		Anh - 7TC2			
	Anh - 7TC2	Anh - 7.2			
		Anh - 7.2			
	Anh - 7.2				

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU

## Giáo viên Văn.A

(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

Số 3

### Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 9.8					
SHL - 9.8					Anh - 9.9
Anh - 9.9					Anh - 9.8
Anh - 9.8					NGLL - 9.8

### Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
Anh - 7.1	Anh - 7.3	Anh - 7.3	Anh - 7.5		
Anh - 7.4	Anh - 7.1	Anh - 7.5	Anh - 7.5		
	AnhTC - 6TC3	Anh - 7.4	Anh - 7.4		
Anh B2 - 9.8	AnhTC - 6TC3	Anh B2 - 9.9	Anh - 7.1		
Anh B2 - 9.8	AnhTC - 6TC3	Anh B2 - 9.9	Anh - 7.3		

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU

## Giáo viên P.Vi

(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

Số 3

### Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 6TC1	Anh - 6.14	Anh - 6TC1			
SHL - 6TC1	Anh - 6.14	Anh - 6.4			
TNHN - 6TC1	Anh - 6TC1	Anh - 6.4			
Anh - 6.15	Anh - 6.4	Anh - 6.14			
Anh - 6TC1	Anh - 6.15	Anh - 6.15			

### Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
			AnhTC - 6TC1		
			AnhTC - 6TC1		
	Anh - 7.11		AnhTC - 6TC1		
	Anh - 7.11		Anh - 7.11		

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU

## Giáo viên Nhung

(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

Số 3

### Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	CNghệ - 6.4	CNghệ - 6.11		CNghệ - 6.5	
		CNghệ - 6.1		CNghệ - 6.9	
	CNghệ - 6TC3	CNghệ - 6.3		CNghệ - 6.13	
CNghệ - 6.6	CNghệ - 6.15	CNghệ - 6.12	CNghệ - 6.14	CNghệ - 6.10	
CNghệ - 6.2	CNghệ - 6.7	CNghệ - 6.8	CNghệ - 6TC1	CNghệ - 6TC2	

### Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

**THỜI KHOÁ BIỂU**  
**Giáo viên Thịnh**  
(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

**Số 3**

**Buổi sáng**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	CNghệ - 9.1				CNghệ - 9.5
	CNghệ - 9.4				CNghệ - 9.8
	CNghệ - 9.2				CNghệ - 9.6
	CNghệ - 9.3				
	CNghệ - 9.7				

**Buổi chiều**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
CNghệ - 8.8		CNghệ - 8TC1			
CNghệ - 8.10	CNghệ - 8.8	CNghệ - 8TC2			
CNghệ - 8TC2	CNghệ - 8TC1	CNghệ - 8.11			
	CNghệ - 8.11	CNghệ - 8.10			
	CNghệ - 8.9	CNghệ - 8.9			

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

**THỜI KHOÁ BIỂU**  
**Giáo viên N.Trâm**  
(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

**Số 3**

**Buổi sáng**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7

**Buổi chiều**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
CNghệ - 7.8	CNghệ - 7.1	CNghệ - 7.9		CNghệ - 7.13	
CNghệ - 7.7	CNghệ - 7.10	CNghệ - 7.2		CNghệ - 7.12	
TNHN - 7.9	CNghệ - 7.4	CNghệ - 7.14		CNghệ - 7.15	
SHL - 7.9	CNghệ - 7TC1	CNghệ - 7TC2		CNghệ - 7.11	
ChCờ - 7.9	CNghệ - 7.5	CNghệ - 7.3		CNghệ - 7.6	

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

**THỜI KHOÁ BIỂU**  
**Giáo viên Tuyển**  
(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

**Số 3**

**Buổi sáng**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		CNghệ - 9.12		CNghệ - 9.11	CNghệ - 9TC2
				CNghệ - 9.10	CNghệ - 9.13
		CNghệ - 9TC1			CNghệ - 9.9
				CNghệ - 9.14	

**Buổi chiều**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	CNghệ - 8.3	CNghệ - 8.3		CNghệ - 8.4	
		CNghệ - 8.1		CNghệ - 8.7	
	CNghệ - 8.6	CNghệ - 8.4		CNghệ - 8.5	
	CNghệ - 8.1	CNghệ - 8.7		CNghệ - 8.6	
	CNghệ - 8.5	CNghệ - 8.2		CNghệ - 8.2	

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

**THỜI KHOÁ BIỂU**  
**Giáo viên X.Hồng**  
(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

**Số 3**

**Buổi sáng**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	GDCD - 9.7	GDCD - 9.5			TNHN - 8.6
	GDCD - 9.6	GDCD - 9.1			
	GDCD - 9.3	GDCD - 9.4			
		GDCD - 9.2			
		GDCD - 9.8			

**Buổi chiều**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	GDCD - 8TC2			GDCD - 8TC1	
	GDCD - 8.11			GDCD - 8.6	
GDCD - 8.5		GDCD - 8.3			
SHL - 8.6					
ChCờ - 8.6		GDCD - 8.4			

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU

## Giáo viên Đ.Loan

(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

Số 3

### Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		GDCD - 9.13			GDCD - 9.14
		GDCD - 9.9			GDCD - 9TC1
	GDCD - 9.10				GDCD - 9TC2
	GDCD - 9.11				
	GDCD - 9.12				

### Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
GDCD - 7.4		GDCD - 7.5		GDCD - 7.14	
GDCD - 7.9		GDCD - 7.8		GDCD - 7.13	
		GDCD - 7.10		GDCD - 7.12	
				GDCD - 7.6	
		GDCD - 7.7		GDCD - 7.11	

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU

## Giáo viên Thù

(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

Số 3

### Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 6.10	GDCD - 6.13	GDCD - 6.14			
SHL - 6.10	GDCD - 6TC1	GDCD - 6TC2			
TNHN - 6.10	GDCD - 6.10	GDCD - 6.12			
	GDCD - 6TC3	GDCD - 6.11			
GDCD - 6.15					

### Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		GDCD - 8.1			
	GDCD - 8.8	GDCD - 8.10			
		GDCD - 8.9			
	GDCD - 8.2	GDCD - 8.7			

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU

## Giáo viên Tuần

(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

Số 3

### Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		GDCD - 6.2			
	GDCD - 6.6	GDCD - 6.5			
	GDCD - 6.9	GDCD - 6.8			
	GDCD - 6.3	GDCD - 6.4			
	GDCD - 6.1	GDCD - 6.7			

### Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
GDCD - 7TC2				GDCD - 7TC1	
GDCD - 7.3				GDCD - 7.15	
TNHN - 7.1				GDCD - 7.1	
SHL - 7.1				GDCD - 7.2	
ChCờ - 7.1					

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

**THỜI KHOÁ BIỂU**  
**Giáo viên Ái**  
(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

**Số 3**

**Buổi sáng**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7

**Buổi chiều**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	KHTN - 8.9			KHTN - 8.9	
	KHTN - 8.9			KHTN - 8.9	

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

**THỜI KHOÁ BIỂU**  
**Giáo viên Chánh**  
(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

**Số 3**

**Buổi sáng**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 9.4	Sinh - 9.3				Sinh - 9.1
SHL - 9.4	Sinh - 9.2				Sinh - 9.3
Sinh - 9.4					Sinh - 9.2
	Sinh - 9.1				NGLL - 9.4
	Sinh - 9.4				

**Buổi chiều**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
			KHTN - 7TC1		
	KHTN - 7TC1		KHTN - 7TC1		
	KHTN - 7TC1				
	KHTN - 7.13		KHTN - 7.13		
	KHTN - 7.13		KHTN - 7.13		

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU

## Giáo viên Duyên

(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

Số 3

### Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 6.13	KHTN - 6TC2				
SHL - 6.13	KHTN - 6TC2		KHTN - 6.13		
TNHN - 6.13	KHTN - 6.13				
KHTN - 6.13			KHTN - 6TC2		
KHTN - 6.13			KHTN - 6TC2		

### Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	KHTN - 7.5			KHTN - 7.5	
	KHTN - 7.5			KHTN - 7.5	
				KHTN - 7.4	
	KHTN - 7.4			KHTN - 7.4	
	KHTN - 7.4				

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

**THỜI KHOÁ BIỂU**  
**Giáo viên V.Hạnh**  
(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

**Số 3**

**Buổi sáng**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	Hóa - 9.12		Hóa - 9.13		TNHN - 8.7
	Hóa - 9.11		Hóa - 9.14	Hóa - 9TC1	
	Hóa - 9.14		Hóa - 9.11	Hóa - 9.13	
	Hóa - 9TC1			Hóa - 9.12	

**Buổi chiều**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
SHL - 8.7	KHTN - 8.7			KHTN - 8.7	
ChCờ - 8.7	KHTN - 8.7			KHTN - 8.7	

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

**THỜI KHOÁ BIỂU**  
**Giáo viên N.Hương**  
(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

**Số 3**

**Buổi sáng**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 6.6	KHTN - 6.7				
SHL - 6.6	KHTN - 6.7				
TNHN - 6.6				KHTN - 6.6	
	KHTN - 6.6			KHTN - 6.7	
KHTN - 6.6	KHTN - 6.6			KHTN - 6.7	

**Buổi chiều**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	KHTN - 8TC2			KHTN - 8TC2	
	KHTN - 8TC2			KHTN - 8TC2	
	KHTN - 8.10			KHTN - 8.10	
	KHTN - 8.10			KHTN - 8.10	

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

**THỜI KHOÁ BIỂU**  
**Giáo viên P.Linh**  
(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

**Số 3**

**Buổi sáng**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	Lí - 9.14				Lí - 9.13
	Lí - 9TC1				Lí - 9.14
	Lí - 9.12				Lí - 9.12
	Lí - 9.13				Lí - 9TC1

**Buổi chiều**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	KHTN - 7.6		KHTN - 7.6	KHTN - 7.7	
			KHTN - 7.6		
TNHN - 7.7	KHTN - 7.7			KHTN - 7.6	
SHL - 7.7			KHTN - 7.7		
ChCờ - 7.7			KHTN - 7.7		

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

**THỜI KHOÁ BIỂU**  
**Giáo viên A.Minh**  
(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

**Số 3**

**Buổi sáng**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	Lí - 9.9			Lí - 9TC2	Lí - 9.10
	Lí - 9.11			Lí - 9.8	Lí - 9.11
				Lí - 9.7	Lí - 9.7
	Lí - 9TC2			Lí - 9.9	
	Lí - 9.8			Lí - 9.10	

**Buổi chiều**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
			KHTN - 7.8		
			KHTN - 7.8		
TNHN - 7.8					
SHL - 7.8	KHTN - 7.8				
ChCờ - 7.8	KHTN - 7.8				

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

**THỜI KHOÁ BIỂU**  
**Giáo viên L.Nam**  
(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

**Số 3**

**Buổi sáng**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
					TNHN - 8.5
	KHTN - 6.11			KHTN - 6TC3	
	KHTN - 6.11		KHTN - 6.11	KHTN - 6TC3	
	KHTN - 6TC3		KHTN - 6TC3	KHTN - 6.11	

**Buổi chiều**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
KHTN - 8.5					
KHTN - 8.5					
KHTN - 8.6				KHTN - 8.6	
SHL - 8.5	KHTN - 8.6			KHTN - 8.5	
ChCờ - 8.5	KHTN - 8.6			KHTN - 8.5	

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

**THỜI KHOÁ BIỂU**  
**Giáo viên Phước**  
(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

**Số 3**

**Buổi sáng**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	Sinh - 9TC2				Sinh - 9.7
	Sinh - 9.7				Sinh - 9.6
	Sinh - 9.6				Sinh - 9.5
	Sinh - 9.5				Sinh - 9TC2

**Buổi chiều**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	KHTN - 7.11		KHTN - 7.11		
	KHTN - 7.11		KHTN - 7.11		
TNHN - 7.11					
SHL - 7.11	KHTN - 7.12		KHTN - 7.12		
ChCờ - 7.11	KHTN - 7.12		KHTN - 7.12		

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU

## Giáo viên Thành

(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

Số 3

### Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 9.11	Sinh - 9.11				Sinh - 9.11
SHL - 9.11	Sinh - 9.12				
Sinh - 9.12	Sinh - 9.13				Sinh - 9.14
Sinh - 9.13					NGLL - 9.11
Sinh - 9.14					

### Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	KHTN - 8.2				
KHTN - 8.1	KHTN - 8.2		KHTN - 8.1		
KHTN - 8.2	KHTN - 8.1		KHTN - 8.1		
			KHTN - 8.2		

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

**THỜI KHOÁ BIỂU**  
**Giáo viên Tiên**  
(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

**Số 3**

**Buổi sáng**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 6.9	KHTN - 6.10				
SHL - 6.9	KHTN - 6.9				
TNHN - 6.9			KHTN - 6.9		
KHTN - 6.9			KHTN - 6.10		
KHTN - 6.10			KHTN - 6.10		

**Buổi chiều**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	KHTN - 7.2				
	KHTN - 7.2			KHTN - 7.2	
	KHTN - 6.9			KHTN - 7.2	
	KHTN - 7.3			KHTN - 7.3	
	KHTN - 7.3			KHTN - 7.3	

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

**THỜI KHOÁ BIỂU**  
**Giáo viên G.Tiền**  
(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

**Số 3**

**Buổi sáng**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	KHTN - 6.15		KHTN - 6.15	KHTN - 6.15	
			KHTN - 6.15	KHTN - 6.14	
	KHTN - 6.14		KHTN - 6.14	KHTN - 6.14	

**Buổi chiều**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
KHTN - 7.15					
	KHTN - 7.15				
TNHN - 7.14	KHTN - 7.15		KHTN - 7.15		
SHL - 7.14	KHTN - 7.14		KHTN - 7.14		
ChCờ - 7.14	KHTN - 7.14		KHTN - 7.14		

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU

## Giáo viên Tín

(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

Số 3

### Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 9.1	Lí - 9.5		Lí - 9.2		
SHL - 9.1	Lí - 9.3		Lí - 9.6		
	Lí - 9.4		Lí - 9.1		
Lí - 9.3			Lí - 9.5	Lí - 9.4	NGLL - 9.1
Lí - 9.6	Lí - 9.1			Lí - 9.2	

### Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
KHTN - 8TC1					
KHTN - 8TC1					
	KHTN - 8TC1				
	KHTN - 8TC1				

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU

## Giáo viên Trọng

(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

Số 3

### Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
					TNHN - 8.4
	Sinh - 9.10		Sinh - 9.10		
	Sinh - 9.8			Sinh - 9.8	
	Sinh - 9.9		Sinh - 9TC1	Sinh - 9TC1	
			Sinh - 9.9		

### Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
KHTN - 8.4				KHTN - 8.3	
KHTN - 8.4				KHTN - 8.3	
KHTN - 8.3	KHTN - 8.3				
SHL - 8.4	KHTN - 8.4				
ChCờ - 8.4	KHTN - 8.4				

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU

## Giáo viên Trần

(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

Số 3

### Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
			KHTN - 6.8		
	KHTN - 6.8		KHTN - 6.8		
	KHTN - 6.8				
	KHTN - 6.5		KHTN - 6.5		
	KHTN - 6.5		KHTN - 6.5		

### Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
TNHN - 7TC2					
SHL - 7TC2	KHTN - 7TC2			KHTN - 7TC2	
ChCờ - 7TC2	KHTN - 7TC2			KHTN - 7TC2	

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

**THỜI KHOÁ BIỂU**  
**Giáo viên T.Tuyết**  
(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

**Số 3**

**Buổi sáng**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 9TC2				Hóa - 9.8	
SHL - 9TC2				Hóa - 9.7	
Hóa - 9.7	Hóa - 9TC2		Hóa - 9.9		
	Hóa - 9.8		Hóa - 9TC2	Hóa - 9.10	
	Hóa - 9.9		Hóa - 9.10	NGLL - 9TC2	

**Buổi chiều**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	KHTN - 8.8			KHTN - 8.8	
	KHTN - 8.8			KHTN - 8.8	

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

**THỜI KHOÁ BIỂU**  
**Giáo viên N. Vân**  
(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

**Số 3**

**Buổi sáng**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 6.12	KHTN - 6TC1		KHTN - 6TC1		
SHL - 6.12			KHTN - 6TC1		
TNHN - 6.12	KHTN - 6.12				
KHTN - 6TC1			KHTN - 6.12		
KHTN - 6.12			KHTN - 6.12		

**Buổi chiều**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	KHTN - 7.9			KHTN - 7.9	
	KHTN - 7.9			KHTN - 7.9	
	KHTN - 7.10				
	KHTN - 7.10			KHTN - 7.10	
				KHTN - 7.10	

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU

## Giáo viên H. Vân

(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

Số 3

### Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 9.5	Hóa - 9.4			Hóa - 9.3	Hóa - 9.3
SHL - 9.5	Hóa - 9.5				Hóa - 9.5
	Hóa - 9.1			Hóa - 9.1	Hóa - 9.4
	Hóa - 9.6			Hóa - 9.2	NGLL - 9.5
	Hóa - 9.2			Hóa - 9.6	

### Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
			KHTN - 8.11	KHTN - 8.11	
			KHTN - 8.11	KHTN - 8.11	

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

**THỜI KHOÁ BIỂU**  
**Giáo viên T.Nga**  
(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

**Số 3**

**Buổi sáng**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	KHTN - 6.2		KHTN - 6.1	KHTN - 6.1	
	KHTN - 6.3		KHTN - 6.1	KHTN - 6.3	
	KHTN - 6.3		KHTN - 6.2	KHTN - 6.3	
KHTN - 6.2	KHTN - 6.1		KHTN - 6.2	KHTN - 6.4	
KHTN - 6.4	KHTN - 6.4			KHTN - 6.4	

**Buổi chiều**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
			KHTN - 7.1		
			KHTN - 7.1		
	KHTN - 7.1				
	KHTN - 7.1				

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU

## Giáo viên Đào

(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

Số 3

### Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		LSĐL - 6.12	LSĐL - 6.10		TNHN - 8.9
		LSĐL - 6.12	LSĐL - 6.12		
		LSĐL - 6.10			
		LSĐL - 6.10			

### Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
LSĐL - 8.9		LSĐL - 8.9	LSĐL - 8TC1		
LSĐL - 8.9		LSĐL - 8.8	LSĐL - 8.8		
SHL - 8.9		LSĐL - 8TC1	LSĐL - 8.8		
ChCờ - 8.9		LSĐL - 8TC1			

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU

## Giáo viên Lâm

(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

Số 3

### Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
			LSĐL - 6.3	LSĐL - 6.3	
		LSĐL - 6.3	LSĐL - 6.6	LSĐL - 6.5	
		LSĐL - 6.5	LSĐL - 6.5	LSĐL - 6.4	
		LSĐL - 6.6	LSĐL - 6.4		
		LSĐL - 6.6	LSĐL - 6.4		

### Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
				LSĐL - 7.11	
		LSĐL - 7.11		LSĐL - 7TC2	
		LSĐL - 7.11		LSĐL - 7TC2	
		LSĐL - 7.12		LSĐL - 7.12	
		LSĐL - 7TC2		LSĐL - 7.12	

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU

## Giáo viên K.Lê

(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

Số 3

### Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		Địa - 9.2	Địa - 9.5		Địa - 9.4
		Địa - 9.5	Địa - 9.2		Địa - 9.1
		Địa - 9.1	Địa - 9TC1		Địa - 9TC1
		Địa - 9.3	Địa - 9.4		
			Địa - 9.3		

### Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		LSĐL - 7.10			
LSĐL - 7.10		LSĐL - 7.10			
TNHN - 7.10					
SHL - 7.10					
ChCờ - 7.10					

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU

## Giáo viên T.Linh

(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

Số 3

### Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		Địa - 9.14	Địa - 9.10	Địa - 9.10	TNHN - 8.10
		Địa - 9.11	Địa - 9.12	Địa - 9.11	
		Địa - 9.13		Địa - 9.14	
				Địa - 9.12	
				Địa - 9.13	

### Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		LSĐL - 8.10			
		LSĐL - 8.10			
LSĐL - 8.10					
SHL - 8.10					
ChCờ - 8.10					

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

**THỜI KHOÁ BIỂU**  
**Giáo viên Tâm**  
(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

**Số 3**

**Buổi sáng**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		Sử - 9.14		Sử - 9TC1	
		Sử - 9.9		Sử - 9.12	
		Sử - 9.13		Sử - 9TC2	
		Sử - 9.10		Sử - 9.11	

**Buổi chiều**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
LSĐL - 8.1			LSĐL - 8.1		
LSĐL - 8.2		LSĐL - 8.3	LSĐL - 8.3		
		LSĐL - 8.2	LSĐL - 8.3		
		LSĐL - 8.2			
		LSĐL - 8.1			

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU

## Giáo viên Thiện

(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

Số 3

### Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 6.1		LSĐL - 6.1		LSĐL - 6.2	
SHL - 6.1		LSĐL - 6.2		LSĐL - 6.1	
TNHN - 6.1		LSĐL - 6.2		LSĐL - 6.1	

### Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
LSĐL - 8TC2		LSĐL - 8.7			
GDDP		LSĐL - 8.7			
GDDP - 6.1		LSĐL - 8TC2		LSĐL - 8.7	
				LSĐL - 8TC2	

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

**THỜI KHOÁ BIỂU**  
**Giáo viên Trường**  
(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

**Số 3**

**Buổi sáng**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 6TC3					
SHL - 6TC3					
TNHN - 6TC3			LSDL - 6TC3		
LSDL - 6TC3			LSDL - 6TC3		

**Buổi chiều**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		LSDL - 8.6	LSDL - 8.5	LSDL - 8.6	
		LSDL - 8.4	LSDL - 8.5	LSDL - 8.4	
			LSDL - 8.6		
		LSDL - 8.5		GDĐP	
			LSDL - 8.4	GDĐP - 6TC3	

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU

## Giáo viên H.Vi

(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

Số 3

### Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
			LSĐL - 6.13	LSĐL - 6.14	
			LSĐL - 6.14	LSĐL - 6.14	
				LSĐL - 6.13	
				LSĐL - 6.13	

### Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		LSĐL - 7TC1			
LSĐL - 7.13		LSĐL - 7.13			
TNHN - 7.13				LSĐL - 7.13	
SHL - 7.13				LSĐL - 7TC1	
ChCờ - 7.13				LSĐL - 7TC1	

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

**THỜI KHOÁ BIỂU**  
**Giáo viên K.Yến**  
(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

**Số 3**

**Buổi sáng**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 9.3					
SHL - 9.3					Sử - 9.4
Sử - 9.2					Sử - 9.3
Sử - 9.1					NGLL - 9.3

**Buổi chiều**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		LSDL - 7.2	LSDL - 7.2		
		LSDL - 7.3	LSDL - 7.2		
		LSDL - 7.3			
		LSDL - 7.4	LSDL - 7.3		
		LSDL - 7.4	LSDL - 7.4		

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU

## Giáo viên Đ.Huy

(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

Số 3

### Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		Sử - 9.6			
		Sử - 9.5			
		Sử - 9.8			
		Sử - 9.7			

### Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
LSĐL - 7.14			LSĐL - 7.14		
LSĐL - 7.14			LSĐL - 7.15		
TNHN - 7.15		LSĐL - 7.9	LSĐL - 7.9		
SHL - 7.15		LSĐL - 7.15	LSĐL - 7.9		
ChCờ - 7.15		LSĐL - 7.15			

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

**THỜI KHOÁ BIỂU**  
**Giáo viên P.Trang**  
(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

**Số 3**

**Buổi sáng**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		Địa - 9TC2		Địa - 9.7	TNHN - 8.11
		Địa - 9.8		Địa - 9.6	
Địa - 9.8				Địa - 9TC2	
Địa - 9.7		Địa - 9.9			
Địa - 9.9		Địa - 9.6			

**Buổi chiều**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
			LSĐL - 8.11		
LSĐL - 8.11			LSĐL - 8.11		
SHL - 8.11					
ChCờ - 8.11					

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

**THỜI KHOÁ BIỂU**  
**Giáo viên Lam**  
(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

**Số 3**

**Buổi sáng**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		LSĐL - 6.15		LSĐL - 6.15	
		LSĐL - 6TC1		LSĐL - 6.15	
		LSĐL - 6TC1		GDDP	
				GDDP - 7.15	
				LSĐL - 6TC1	

**Buổi chiều**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
LSĐL - 7.6		LSĐL - 7.6			
LSĐL - 7.5		LSĐL - 7.6			
TNHN - 7.6					
SHL - 7.6		LSĐL - 7.5			
ChCờ - 7.6		LSĐL - 7.5			

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU

## Giáo viên V.Linh

(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

Số 3

### Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 6.11		LSĐL - 6TC2	LSĐL - 6.11		
SHL - 6.11		LSĐL - 6.11	LSĐL - 6.11		
TNHN - 6.11			LSĐL - 6TC2		
LSĐL - 6TC2					

### Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
LSĐL - 7.7		LSĐL - 7.7			
LSĐL - 7.8		LSĐL - 7.7			
		LSĐL - 7.8			
GDDP		LSĐL - 7.8			
GDDP - 6TC1					

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

**THỜI KHOÁ BIỂU**  
**Giáo viên A.Vy**  
(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

**Số 3**

**Buổi sáng**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 6.7		LSĐL - 6.8	LSĐL - 6.9		
SHL - 6.7		LSĐL - 6.8			
TNHN - 6.7			LSĐL - 6.7		
LSĐL - 6.7		LSĐL - 6.9	LSĐL - 6.7		
		LSĐL - 6.9	LSĐL - 6.8		

**Buổi chiều**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
			GDDP		
			GDDP - 6.7		
		LSĐL - 7.1			
		LSĐL - 7.1	LSĐL - 7.1		

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

**THỜI KHOÁ BIỂU**  
**Giáo viên N.Minh**  
(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

**Số 3**

**Buổi sáng**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7

**Buổi chiều**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
MT - 7.10	MT - 7.8	MT - 7.15	MT - 7.3	MT - 8.1	
MT - 7.1	MT - 7.14	MT - 7.12	MT - 7TC2	MT - 7.7	
MT - 8.4	MT - 7.6	MT - 7.13	MT - 7.5	MT - 7.9	
	MT - 8.3	MT - 7.11	MT - 7.4	MT - 8.2	
	MT - 7TC1	MT - 7.2	MT - 8TC1	MT - 8TC2	

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

**THỜI KHOÁ BIỂU**  
**Giáo viên T.Trâm**  
(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

**Số 3**

**Buổi sáng**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	MT - 6.11	MT - 6.4	MT - 6.12	MT - 6.10	
	MT - 6.1	MT - 6TC3	MT - 6.2	MT - 6.6	
		MT - 6.13	MT - 6.14	MT - 6.8	
	MT - 6TC1	MT - 6.7		MT - 6TC2	
	MT - 6.3	MT - 6.5	MT - 6.15	MT - 6.9	

**Buổi chiều**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		MT - 8.11			
		MT - 8.9	MT - 8.10	MT - 8.8	
		MT - 8.5	MT - 8.7	MT - 8.6	

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

**THỜI KHOÁ BIỂU**  
**Giáo viên N.Hạnh**  
(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

**Số 3**

**Buổi sáng**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 6.4	Nhạc - 9TC1	Nhạc - 6.3		Nhạc - 9.14	
SHL - 6.4		Nhạc - 9.13		Nhạc - 9TC2	
TNHN - 6.4	Nhạc - 6.6	Nhạc - 9.8		Nhạc - 6.7	
Nhạc - 9.12	Nhạc - 9.10	Nhạc - 6.8	Nhạc - 9.9	Nhạc - 6.5	
	Nhạc - 9.11	Nhạc - 6.4	Nhạc - 6.1	Nhạc - 6.2	

**Buổi chiều**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

**THỜI KHOÁ BIỂU**  
**Giáo viên Đ.Nam**  
(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

**Số 3**

**Buổi sáng**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		Nhạc - 9.4		Nhạc - 9.6	
				Nhạc - 9.3	
		Nhạc - 9.2			
		Nhạc - 9.1		Nhạc - 9.7	
				Nhạc - 9.5	

**Buổi chiều**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	Nhạc - 7.14	Nhạc - 7.1	Nhạc - 7TC2		
	Nhạc - 7.7	Nhạc - 7.9			
	Nhạc - 7.2	Nhạc - 7.12	Nhạc - 7TC1	Nhạc - 7.8	
	Nhạc - 7.15	Nhạc - 7.3	Nhạc - 7.5	Nhạc - 7.13	
	Nhạc - 7.10	Nhạc - 7.11	Nhạc - 7.6	Nhạc - 7.4	

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

**THỜI KHOÁ BIỂU**  
**Giáo viên N.Yến**  
(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

**Số 3**

**Buổi sáng**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		Nhạc - 6TC3		Nhạc - 6.13	
		Nhạc - 6.9		Nhạc - 6.10	
		Nhạc - 6.11		Nhạc - 6TC2	
		Nhạc - 6.15		Nhạc - 6TC1	
		Nhạc - 6.14		Nhạc - 6.12	

**Buổi chiều**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
Nhạc - 8.6	Nhạc - 8.5				
Nhạc - 8TC2		Nhạc - 8.2			
Nhạc - 8.8	Nhạc - 8.7	Nhạc - 8.1			
	Nhạc - 8.9	Nhạc - 8.4		Nhạc - 8TC1	
	Nhạc - 8.11	Nhạc - 8.10		Nhạc - 8.3	

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU

## Giáo viên Chi

(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

Số 3

### Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
TD - 7.9					
TD - 7.9					
TD - 7.8					
TD - 7.8					

### Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
TD - 6.2	TD - 6.4	TD - 6.6			
TD - 6.2	TD - 6.4	TD - 6.6			
TD - 6.1	TD - 6.3	TD - 6.5	TD - 6.7		
TD - 6.1	TD - 6.3	TD - 6.5	TD - 6.7		

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

**THỜI KHOÁ BIỂU**  
**Giáo viên Dững**  
(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

**Số 3**

**Buổi sáng**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	TD - 8.2				
	TD - 8.2				
	TD - 8.1		TD - 8.3		
	TD - 8.1		TD - 8.3		

**Buổi chiều**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
TD - 9.11		TD - 9.13	TD - 9TC1		
TD - 9.11		TD - 9.13	TD - 9TC1		
TD - 9.10		TD - 9.12	TD - 9TC2		
TD - 9.10		TD - 9.12	TD - 9TC2		

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU

## Giáo viên Hậu

(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

Số 3

### Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
TD - 7.3	TD - 7.5	TD - 7.7	TD - 7.1		
TD - 7.3	TD - 7.5	TD - 7.7	TD - 7.1		
TD - 7.2	TD - 7.4	TD - 7.6			
TD - 7.2	TD - 7.4	TD - 7.6			

### Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	TD - 6.10				
	TD - 6.10				
	TD - 6.9				
	TD - 6.9				

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU

## Giáo viên Thọ

(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

Số 3

### Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
TD - 8.5				TD - 8.11	
TD - 8.5				TD - 8.11	
TD - 8.4		TD - 8.8		TD - 8.10	
TD - 8.4		TD - 8.8		TD - 8.10	

### Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	TD - 9.6		TD - 9.8		
	TD - 9.6		TD - 9.8		
	TD - 9.14		TD - 9.7	TD - 9.9	
	TD - 9.14		TD - 9.7	TD - 9.9	

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

**THỜI KHOÁ BIỂU**  
**Giáo viên B.Tiền**  
(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

**Số 3**

**Buổi sáng**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	TD - 8.7	TD - 8.9		TD - 8TC2	
	TD - 8.7	TD - 8.9		TD - 8TC2	
	TD - 8.6			TD - 8TC1	
	TD - 8.6			TD - 8TC1	

**Buổi chiều**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
TD - 9.2				TD - 9.4	
TD - 9.2				TD - 9.4	
TD - 9.1	TD - 9.5			TD - 9.3	
TD - 9.1	TD - 9.5			TD - 9.3	

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

**THỜI KHOÁ BIỂU**  
**Giáo viên Toán**  
(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

**Số 3**

**Buổi sáng**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		TD - 7.11	TD - 7.13		
		TD - 7.11	TD - 7.13		
		TD - 7.10	TD - 7.12	TD - 7.14	
		TD - 7.10	TD - 7.12	TD - 7.14	

**Buổi chiều**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
			TD - 6.14	TD - 6TC1	
			TD - 6.14	TD - 6TC1	
			TD - 6.13	TD - 6TC2	
			TD - 6.13	TD - 6TC2	

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

**THỜI KHOÁ BIỂU**  
**Giáo viên C.Hà**  
(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

**Số 3**

**Buổi sáng**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
			TD - 7TC2	TD - 7.15	
			TD - 7TC2	TD - 7.15	
			TD - 7TC1		
			TD - 7TC1		

**Buổi chiều**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		TD - 6.12	TD - 6.8	TD - 6TC3	
		TD - 6.12	TD - 6.8	TD - 6TC3	
		TD - 6.11		TD - 6.15	
		TD - 6.11		TD - 6.15	

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

**THỜI KHOÁ BIỂU**  
**Giáo viên Lành**  
(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

**Số 3**

**Buổi sáng**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
Tin - 7.8		Tin - 7.10	Tin - 7.12	Tin - 7.14	
Tin		Tin	Tin	Tin	
Tin - 7.9		Tin - 7.11	Tin - 7.13	Tin - 7.15	
Tin	Tin - 9.2	Tin	Tin	Tin	
	Tin - 9.3	Tin - 9.4	Tin - 9.1		

**Buổi chiều**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
TinTH - 9.1				TinTH - 9.3	
TinTH - 9.1				TinTH - 9.3	
TinTH - 9.2				TinTH - 9.4	
TinTH - 9.2				TinTH - 9.4	

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU

## Giáo viên Lê

(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

Số 3

### Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
Tin - 7.2	Tin - 7.4	Tin - 7.6			
Tin	Tin	Tin			
Tin - 7.3	Tin - 7.5	Tin - 7.7	Tin - 7TC2		
Tin	Tin	Tin	Tin		

### Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
Tin - 6TC2	Tin - 6.3	Tin - 6.5	Tin - 6.7		
Tin	Tin	Tin	Tin		
Tin - 6TC1	Tin - 6.4	Tin - 6.6	Tin - 6.8	Tin - 6TC3	
Tin	Tin	Tin	Tin	Tin	

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

**THỜI KHOÁ BIỂU**  
**Giáo viên M.Phương**  
(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

**Số 3**

**Buổi sáng**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	Tin - 8.1	Tin - 9.9	Tin - 8.3	Tin - 8TC1	
	Tin		Tin	Tin	
	Tin - 8.2	Tin - 9.6	Tin - 9.5	Tin - 8TC2	
	Tin	Tin - 9.7		Tin	
		Tin - 9.14		Tin - 9.8	

**Buổi chiều**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	TinTH - 9.5		TinTH - 9.7	TinTH - 9.9	
	TinTH - 9.5		TinTH - 9.7	TinTH - 9.9	
	TinTH - 9.6		TinTH - 9.8	TinTH - 9.14	
	TinTH - 9.6		TinTH - 9.8	TinTH - 9.14	

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

**THỜI KHOÁ BIỂU**  
**Giáo viên Đ. Thắng**  
(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

**Số 3**

**Buổi sáng**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
Tin - 8.4	Tin - 8.6	Tin - 8.8		Tin - 8.10	
Tin	Tin	Tin		Tin	
Tin - 8.5	Tin - 8.7	Tin - 8.9		Tin - 8.11	
Tin	Tin	Tin		Tin	

**Buổi chiều**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
Tin - 6.1	Tin - 6.9	Tin - 6.11	Tin - 6.13	Tin - 6.15	
Tin	Tin	Tin	Tin	Tin	
Tin - 6.2	Tin - 6.10	Tin - 6.12	Tin - 6.14		
Tin	Tin	Tin	Tin		

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU

## Giáo viên Thanh

(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

Số 3

### Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		Tin - 9TC1	Tin - 7TC1		
		Tin - 9TC2	Tin		
		Tin - 9.10	Tin - 7.1		
		Tin - 9.12	Tin		
		Tin - 9.11	Tin - 9.13		

### Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
TinTH - 9.10		TinTH - 9.12		TinTH - 9TC2	
TinTH - 9.10		TinTH - 9.12		TinTH - 9TC2	
TinTH - 9.11		TinTH - 9.13		TinTH - 9TC1	
TinTH - 9.11		TinTH - 9.13		TinTH - 9TC1	

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU

## Giáo viên Du

(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

Số 3

### Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
			Toán - 9.14		TNHN - 8.3
			Toán - 9.14		
Toán - 9.14		Toán - 9.14	Toán - 9TC2		
Toán - 9TC2		Toán - 9TC2			
		Toán - 9TC2			

### Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
Toán - 8.3			Toán - 8.3		
Toán B2 - 9TC2			Toán B2 - 9.14		
Toán B2 - 9TC2			Toán B2 - 9.14		
SHL - 8.3		Toán - 8.3			
ChCờ - 8.3		Toán - 8.3			

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU

## Giáo viên M.Đức

(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

Số 3

### Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
			Toán - 6.14	Toán - 6TC3	
		Toán - 6.14	Toán - 6TC3		
		Toán - 6.14		Toán - 6.14	
		Toán - 6TC3			
		Toán - 6TC3			

### Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
			Toán - 7.9		
			Toán - 7.9	Toán - 7.10	
		Toán - 7.5	Toán - 7.10	Toán - 7.10	
		Toán - 7.9	Toán - 7.10	Toán - 7.5	
		Toán - 7.9	Toán - 7.5	Toán - 7.5	

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

**THỜI KHOÁ BIỂU**  
**Giáo viên M.Hương**  
(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

**Số 3**

**Buổi sáng**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 6.15				Toán - 6TC1	
SHL - 6.15		Toán - 6.15		Toán - 6TC1	
TNHN - 6.15		Toán - 6.15			
		Toán - 6TC1		Toán - 6.15	
		Toán - 6TC1		Toán - 6.15	

**Buổi chiều**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		Toán - 7.1		GDDP	
		Toán - 7.1		GDDP - 6.15	
				Toán - 7.1	
				Toán - 7.1	

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU

## Giáo viên Mận

(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

Số 3

### Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		GDĐP	Toán - 6.4	Toán - 6.4	
		GDĐP - 7.10	Toán - 6.4	Toán - 6.4	
		GDĐP	Toán - 6.3		
		GDĐP - 7.11		Toán - 6.3	
		Toán - 6.3		Toán - 6.3	

### Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		Toán - 7.7	Toán - 7.7	Toán - 7.7	
		Toán - 7.7		Toán - 7.8	
		Toán - 7.8	Toán - 7.8	Toán - 7.8	

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU

## Giáo viên Nguyễn

(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

Số 3

### Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		Toán - 9.8	Toán - 9.7		Toán - 9.8
		Toán - 9.7			Toán - 9.7
		Toán - 9.7	Toán - 9.8		
			Toán - 9.8		

### Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		Toán - 7.14		Toán - 7TC2	
Toán B2 - 9.8		Toán - 7.14		Toán - 7.14	
Toán B2 - 9.8		Toán - 7TC2	Toán - 7.13	Toán - 7.14	
Toán B2 - 9.7		Toán - 7.13	Toán - 7TC2		
Toán B2 - 9.7		Toán - 7.13	Toán - 7TC2	Toán - 7.13	

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU

## Giáo viên Như

(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

Số 3

### Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 9.2				Toán - 9.1	Toán - 9.2
SHL - 9.2				Toán - 9.1	Toán - 9.2
Toán - 9.1				Toán - 9.2	Toán - 9.1
Toán - 9.2					NGLL - 9.2

### Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		Toán - 8.5	Toán - 8.4	Toán - 8.5	
		Toán B2 - 9.1	Toán - 8.4	Toán - 8.5	
		Toán B2 - 9.1	Toán - 8.5	Toán - 8.4	
		Toán B2 - 9.2		Toán - 8.4	
		Toán B2 - 9.2			

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU

## Giáo viên Sang

(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

Số 3

### Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
			Toán - 6.5	Toán - 6.12	
			Toán - 6.5	Toán - 6.12	
			Toán - 6.12	Toán - 6.11	
		Toán - 6.5	Toán - 6.11	Toán - 6.11	
		Toán - 6.12	Toán - 6.11	Toán - 6.5	

### Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		Toán - 8.6	Toán - 8TC2		
		Toán - 8.6	Toán - 8TC2		
		Toán - 8TC2	Toán - 8.6		
		Toán - 8TC2	Toán - 8.6		

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

**THỜI KHOÁ BIỂU**  
**Giáo viên Sơn**  
(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

**Số 3**

**Buổi sáng**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		Toán - 9.10	Toán - 9.11		
		Toán - 9.10	Toán - 9.11		
		Toán - 9.11	Toán - 9.10		
		Toán - 9.11	Toán - 9.10		

**Buổi chiều**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
Toán - 7.11	Toán - 7.15	Toán - 7.11	Toán - 7.15	Toán - 7.15	
Toán - 7.11	Toán B2 - 9.10	Toán - 7.15	Toán B2 - 9.11	Toán - 7.11	
	Toán B2 - 9.10	Toán - 7.6	Toán B2 - 9.11		
	Toán - 7.6	Toán - 7.6	Toán - 7.6		

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU

## Giáo viên Tài

(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

Số 3

### Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
			Toán - 9.4	GDĐP	
		Toán - 9.3	Toán - 9.4	GDĐP - 7.14	
		Toán - 9.3	Toán - 9.3	Toán - 9.4	
		Toán - 9.4	Toán - 9.3		

### Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
Toán - 7.12					
Toán - 7.12		Toán B2 - 9.3			
TNHN - 7.12		Toán B2 - 9.3	Toán - 7.12		
SHL - 7.12			Toán B2 - 9.4		
ChCờ - 7.12		Toán - 7.12	Toán B2 - 9.4		

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

**THỜI KHOÁ BIỂU**  
**Giáo viên V.Thắng**  
(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

**Số 3**

**Buổi sáng**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
				Toán - 9.5	
				Toán - 9.5	
Toán - 9.6				Toán - 9.6	
Toán - 9.5		Toán - 9.6		Toán - 9.6	
		Toán - 9.5			

**Buổi chiều**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
Toán - 7.3				Toán - 7.3	
				Toán - 7.3	
TNHN - 7.3			Toán - 7.3		
SHL - 7.3			Toán B2 - 9.6	Toán B2 - 9.5	
ChCờ - 7.3			Toán B2 - 9.6	Toán B2 - 9.5	

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

**THỜI KHOÁ BIỂU**  
**Giáo viên Toàn**  
(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

**Số 3**

**Buổi sáng**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
GDDP			Toán - 9TC1		
GDDP - 7.2		Toán - 9.12	Toán - 9TC1		
		Toán - 9.12	Toán - 9.12		
		Toán - 9TC1	Toán - 9.12		
		Toán - 9TC1			

**Buổi chiều**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
Toán - 7.2				Toán - 7.2	
Toán - 7.2				Toán B2 - 9TC1	
TNHN - 7.2			Toán - 7.2	Toán B2 - 9TC1	
SHL - 7.2			Toán B2 - 9.12		
ChCờ - 7.2			Toán B2 - 9.12		

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU

## Giáo viên Việt

(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

Số 3

### Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
			Toán - 6TC2		TNHN - 8.8
			Toán - 6TC2		
		Toán - 6TC2			
		Toán - 6TC2			

### Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
Toán - 8.7			Toán - 8.8		
GDDP			Toán - 8.8		
GDDP - 6TC2		Toán - 8.7	Toán - 8.7		
SHL - 8.8		Toán - 8.8	Toán - 8.7		
ChCờ - 8.8		Toán - 8.8			

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU

## Giáo viên V.Vy

(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

Số 3

### Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 9.9			Toán - 9.9	Toán - 9.13	Toán - 9.9
SHL - 9.9			Toán - 9.9		
			Toán - 9.13	Toán - 9.9	Toán - 9.13
			Toán - 9.13		NGLL - 9.9

### Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		Toán - 8.2	Toán - 8.2	Toán - 8.2	
		Toán B2 - 9.9	Toán - 8.2	Toán - 8.1	
		Toán B2 - 9.9		Toán - 8.1	
		Toán - 8.1	Toán - 8.1	Toán B2 - 9.13	
				Toán B2 - 9.13	

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU

## Giáo viên H.Trang

(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

Số 3

### Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		Toán - 6.9		GDĐP - 7TC2	
		Toán - 6.10		GDĐP	
		Toán - 6.10		Toán - 6.9	
Toán - 6.10				Toán - 6.9	
Toán - 6.9				Toán - 6.10	

### Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		Toán - 7.4	Toán - 7.4		
		Toán - 7.4	Toán - 7.4		
TNHN - 7.4					
SHL - 7.4					
ChCờ - 7.4					

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU

## Giáo viên Thoa

(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

Số 3

### Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 6.8				Toán - 6.8	
SHL - 6.8				Toán - 6.8	
TNHN - 6.8					
Toán - 6.8					
Toán - 6.8					

### Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		Toán - 8.9	Toán - 8.9		
		Toán - 8TC1	Toán - 8.9		
		Toán - 8TC1	Toán - 8TC1	Toán - 8.9	
			GDDP		
			GDDP - 6.8	Toán - 8TC1	

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

**THỜI KHOÁ BIỂU**  
**Giáo viên Hảo**  
(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

**Số 3**

**Buổi sáng**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		Toán - 6.7	Toán - 6.7	Toán - 6.6	
		Toán - 6.7	Toán - 6.7	Toán - 6.13	
		Toán - 6.6	Toán - 6.6		
		Toán - 6.13	Toán - 6.6		
		Toán - 6.13	Toán - 6.13		

**Buổi chiều**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
				Toán - 8.11	
				Toán - 8.10	
			Toán - 8.11	Toán - 8.10	
		Toán - 8.11	Toán - 8.10		
		Toán - 8.11	Toán - 8.10		

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU

## Giáo viên V.Loan

(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

Số 3

### Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 6.2					
SHL - 6.2					
TNHN - 6.2		Toán - 6.1	Toán - 6.1		
		Toán - 6.2	Toán - 6.1	Toán - 6.2	
		Toán - 6.2	Toán - 6.2	Toán - 6.1	

### Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
Toán - 7TC1					
Toán - 7TC1					
GDDP		Toán - 7TC1			
GDDP - 6.2		Toán - 7TC1			

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU

## Giáo viên H.Đức

(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

Số 3

### Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 9.14					
SHL - 9.14	Văn - 9.14		Văn - 9.5	Văn - 9.14	
	Văn - 9.5			Văn - 9.5	
Văn - 9.14			Văn - 9.14	Văn - 9.5	NGLL - 9.14
Văn - 9.5			Văn - 9.14		

### Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	Văn - 7.7			Văn - 7.6	
	Văn B2 - 9.14		Văn - 7.7	Văn - 7.6	
	Văn B2 - 9.14		Văn - 7.6		
			Văn B2 - 9.5	Văn - 7.7	
	Văn - 7.6		Văn B2 - 9.5	Văn - 7.7	

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

**THỜI KHOÁ BIỂU**  
**Giáo viên Dung**  
(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

**Số 3**

**Buổi sáng**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 9.13	Văn - 9.13			Văn - 9TC1	
SHL - 9.13	Văn - 9.13			Văn - 9.13	
Văn - 9.13	Văn - 9TC1			Văn - 9.13	
Văn - 9TC1	Văn - 9TC1				NGLL - 9.13
Văn - 9TC1					

**Buổi chiều**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	Văn - 7.4			Văn - 7.4	
Văn B2 - 9TC1	Văn - 7.4			Văn - 7.4	
Văn B2 - 9TC1					
Văn B2 - 9.13					
Văn B2 - 9.13					

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

**THỜI KHOÁ BIỂU**  
**Giáo viên N.Hà**  
(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

**Số 3**

**Buổi sáng**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
				Văn - 6.2	
	Văn - 6.1			Văn - 6.2	
Văn - 6.1	Văn - 6.2			Văn - 6.1	
Văn - 6.1	Văn - 6.2				

**Buổi chiều**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
				Văn - 7.1	
	Văn - 7.3		Văn - 7.3	Văn - 7.1	
	Văn - 7.3		Văn - 7.1	Văn - 7.3	
	Văn - 7.2		Văn - 7.2		
	Văn - 7.1		Văn - 7.2	Văn - 7.2	

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

**THỜI KHOÁ BIỂU**  
**Giáo viên B.Hằng**  
(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

**Số 3**

**Buổi sáng**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 9.12				Văn - 9.12	Văn - 9.12
SHL - 9.12				Văn - 9.12	Văn - 9.12
Văn - 9.11				Văn - 9.11	Văn - 9.11
Văn - 9.11				Văn - 9.11	NGLL - 9.12
Văn - 9.12					

**Buổi chiều**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	Văn - 7.10		Văn - 7.10	Văn - 7.10	
	Văn B2 - 9.12		Văn - 7.10	Văn B2 - 9.11	
	Văn B2 - 9.12			Văn B2 - 9.11	

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

**THỜI KHOÁ BIỂU**  
**Giáo viên L.Hồng**  
(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

**Số 3**

**Buổi sáng**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 9.6	Văn - 9.6		Văn - 9TC2		Văn - 9.6
SHL - 9.6	Văn - 9TC2		Văn - 9TC2		Văn - 9TC2
Văn - 9TC2			Văn - 9.6		
Văn - 9.6			Văn - 9.6		NGLL - 9.6

**Buổi chiều**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
Văn - 8TC1	Văn - 8.10		Văn - 8TC1	Văn - 8.10	
Văn B2 - 9.6	Văn - 8.10		Văn - 8.10	Văn - 8TC1	
Văn B2 - 9.6				Văn - 8TC1	
Văn B2 - 9TC2					
Văn B2 - 9TC2					

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

**THỜI KHOÁ BIỂU**  
**Giáo viên N.Lệ**  
(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

**Số 3**

**Buổi sáng**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 6.5				Văn - 6TC2	
SHL - 6.5				Văn - 6TC2	
TNHN - 6.5	Văn - 6.5			Văn - 6.5	
Văn - 6.5	Văn - 6TC2				
Văn - 6.5	Văn - 6TC2				

**Buổi chiều**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
				Văn - 7.8	
	Văn - 7.8			Văn - 7.8	
	Văn - 7.8				
	Văn - 7.9			Văn - 7.9	
	Văn - 7.9			Văn - 7.9	

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

**THỜI KHOÁ BIỂU**  
**Giáo viên Mai**  
(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

**Số 3**

**Buổi sáng**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	Văn - 9.8		Văn - 9.8		TNHN - 8.1
	Văn - 9.8		Văn - 9.8		
	Văn - 9.7		Văn - 9.7		
	Văn - 9.7		Văn - 9.7	Văn - 9.8	
				Văn - 9.7	

**Buổi chiều**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	Văn - 8.1				
Văn B2 - 9.7	Văn - 8.1				
Văn B2 - 9.7					
SHL - 8.1	Văn B2 - 9.8			Văn - 8.1	
ChCờ - 8.1	Văn B2 - 9.8			Văn - 8.1	

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

**THỜI KHOÁ BIỂU**  
**Giáo viên Nghĩa**  
(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

**Số 3**

**Buổi sáng**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	Văn - 6.15		Văn - 6.15		
	Văn - 6.15		Văn - 6.15		
			Văn - 6.13		
	Văn - 6.13		Văn - 6.13		
	Văn - 6.13				

**Buổi chiều**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
Văn - 7.5					
Văn - 7.15					
TNHN - 7.5	Văn - 7.5			Văn - 7.5	
SHL - 7.5	Văn - 7.5			Văn - 7.15	
ChCờ - 7.5	Văn - 7.15			Văn - 7.15	

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

**THỜI KHOÁ BIỂU**  
**Giáo viên Nụ**  
(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

**Số 3**

**Buổi sáng**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 6.3	Văn - 6.3				
SHL - 6.3	Văn - 6.4				
TNHN - 6.3	Văn - 6.4		Văn - 6.4		
Văn - 6.4			Văn - 6.3		
Văn - 6.3			Văn - 6.3		

**Buổi chiều**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	Văn - 7.12			Văn - 7.12	
	Văn - 7.12		Văn - 7.12		
	Văn - 7.11		Văn - 7.11	Văn - 7.11	
			Văn - 7.11		

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

**THỜI KHOÁ BIỂU**  
**Giáo viên Phụng**  
(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

**Số 3**

**Buổi sáng**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	Văn - 9.2		Văn - 9.1	Văn - 9.2	
	Văn - 9.1		Văn - 9.1	Văn - 9.2	
			Văn - 9.2		
			Văn - 9.2	Văn - 9.1	
				Văn - 9.1	

**Buổi chiều**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
Văn - 7.13	Văn - 7TC2		Văn - 7.13		
Văn - 7TC2	Văn - 7TC2		Văn - 7.13	Văn B2 - 9.1	
	Văn - 7.13		Văn - 7TC2	Văn B2 - 9.1	
				Văn B2 - 9.2	
				Văn B2 - 9.2	

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

**THỜI KHOÁ BIỂU**  
**Giáo viên Sâm**  
(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

**Số 3**

**Buổi sáng**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	Văn - 6.12			Văn - 6.11	TNHN - 8.2
	Văn - 6.12			Văn - 6.11	
				Văn - 6.12	
	Văn - 6.11			Văn - 6.12	
	Văn - 6.11				

**Buổi chiều**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
			Văn - 8TC2	Văn - 8TC2	
				Văn - 8.2	
			Văn - 8.2	Văn - 8.2	
SHL - 8.2	Văn - 8TC2		Văn - 8.2		
ChCờ - 8.2	Văn - 8TC2				

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

**THỜI KHOÁ BIỂU**  
**Giáo viên Tấn**  
(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

**Số 3**

**Buổi sáng**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
			Văn - 9.3	Văn - 9.4	
			Văn - 9.3	Văn - 9.4	
Văn - 9.3			Văn - 9.4	Văn - 9.3	
Văn - 9.4				Văn - 9.3	
Văn - 9.4					

**Buổi chiều**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	Văn - 8.8			Văn - 8.8	
	Văn B2 - 9.4			Văn - 8.8	
	Văn B2 - 9.4		Văn - 8.9		
	Văn B2 - 9.3		Văn - 8.9	Văn - 8.9	
	Văn B2 - 9.3		Văn - 8.8	Văn - 8.9	

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

**THỜI KHOÁ BIỂU**  
**Giáo viên Đ.Thảo**  
(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

**Số 3**

**Buổi sáng**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 6.14	Văn - 6TC3				
SHL - 6.14	Văn - 6TC3				
TNHN - 6.14	Văn - 6.14				
Văn - 6.14	Văn - 6.14			Văn - 6TC3	
Văn - 6.14				Văn - 6TC3	

**Buổi chiều**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	Văn - 8.6		Văn - 8.6		
	Văn - 8.6		Văn - 8.6		
	Văn - 8.5				
	Văn - 8.5		Văn - 8.5		
			Văn - 8.5		

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

**THỜI KHOÁ BIỂU**  
**Giáo viên M.Yến**  
(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

**Số 3**

**Buổi sáng**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 9.10	Văn - 9.10			Văn - 9.9	
SHL - 9.10	Văn - 9.9			Văn - 9.9	Văn - 9.10
Văn - 9.10	Văn - 9.9			Văn - 9.10	Văn - 9.10
Văn - 9.9					NGLL - 9.10

**Buổi chiều**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
Văn - 8.11	Văn - 8.11			Văn - 8.7	
Văn - 8.7	Văn - 8.7			Văn - 8.11	
Văn - 8.7				Văn - 8.11	
Văn B2 - 9.9				Văn B2 - 9.10	
Văn B2 - 9.9				Văn B2 - 9.10	

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

**THỜI KHOÁ BIỂU**  
**Giáo viên H.Yến**  
(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

**Số 3**

**Buổi sáng**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	Văn - 6.6			Văn - 6.7	
				Văn - 6.7	
	Văn - 6.7		Văn - 6TC1	Văn - 6TC1	
	Văn - 6.7		Văn - 6TC1	Văn - 6.6	
	Văn - 6TC1		Văn - 6.6	Văn - 6.6	

**Buổi chiều**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
			Văn - 7.14	Văn - 7TC1	
			Văn - 7.14	Văn - 7TC1	
			Văn - 7TC1	Văn - 7.14	
			Văn - 7TC1	Văn - 7.14	

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

**THỜI KHOÁ BIỂU**  
**Giáo viên Đ. YẾN**  
(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

**Số 3**

**Buổi sáng**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	Văn - 6.8			Văn - 6.9	
	Văn - 6.10		Văn - 6.10		
			Văn - 6.10	Văn - 6.10	
	Văn - 6.9		Văn - 6.8	Văn - 6.8	
	Văn - 6.9		Văn - 6.9	Văn - 6.8	

**Buổi chiều**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	Văn - 8.4				
	Văn - 8.4			Văn - 8.3	
			Văn - 8.4	Văn - 8.3	
	Văn - 8.3		Văn - 8.3	Văn - 8.4	

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

**THỜI KHOÁ BIỂU**  
**Giáo viên N.Hằng**  
(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

**Số 3**

**Buổi sáng**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7

**Buổi chiều**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
			GDĐP		
			GDĐP - 6.13		
			GDĐP		
			GDĐP - 6.14		

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

**THỜI KHOÁ BIỂU**  
**Giáo viên A.Phương**  
(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

**Số 3**

**Buổi sáng**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7

**Buổi chiều**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	GDDP - 6.3	GDDP - 6.5			
	GDDP - 6.4	GDDP - 6.6			

THCS Tô Ký  
Năm học 2023 - 2024  
Học kỳ 1

**THỜI KHOÁ BIỂU**  
**Giáo viên An**  
(Thực hiện từ ngày 06 tháng 11 năm 2023)

**Số 3**

**Buổi sáng**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	GDĐP - 7.4	GDĐP - 7.6			
	GDĐP - 7.5	GDĐP - 7.7			

**Buổi chiều**

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7